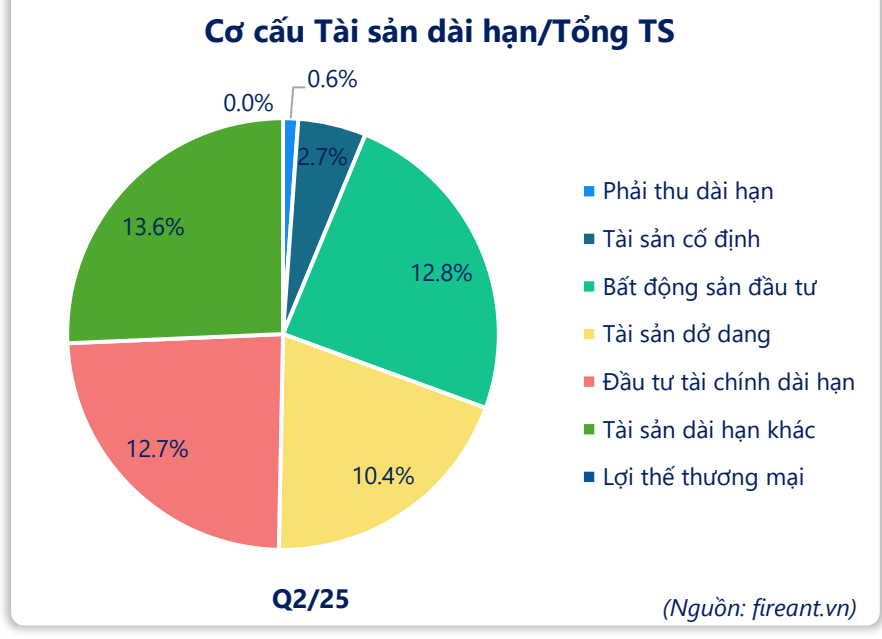
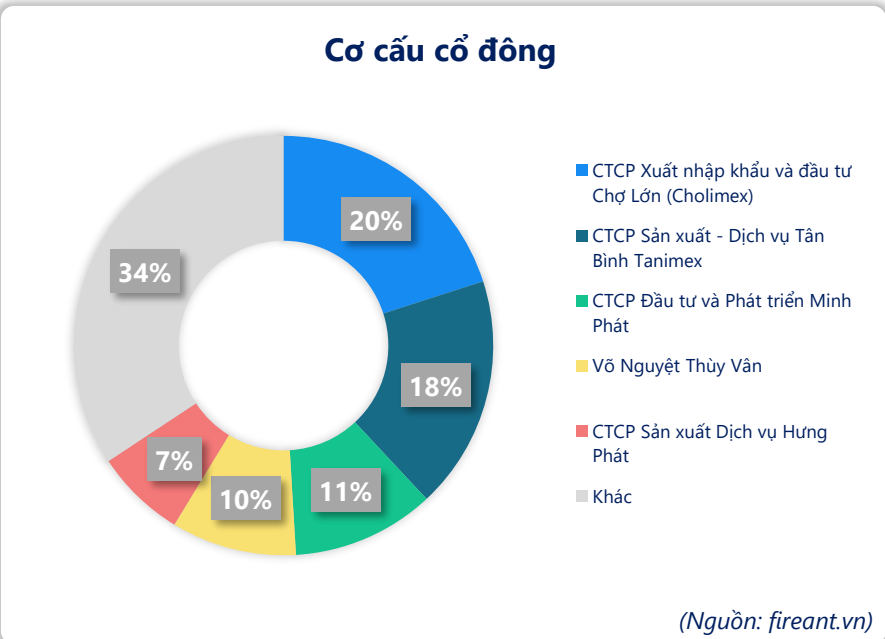
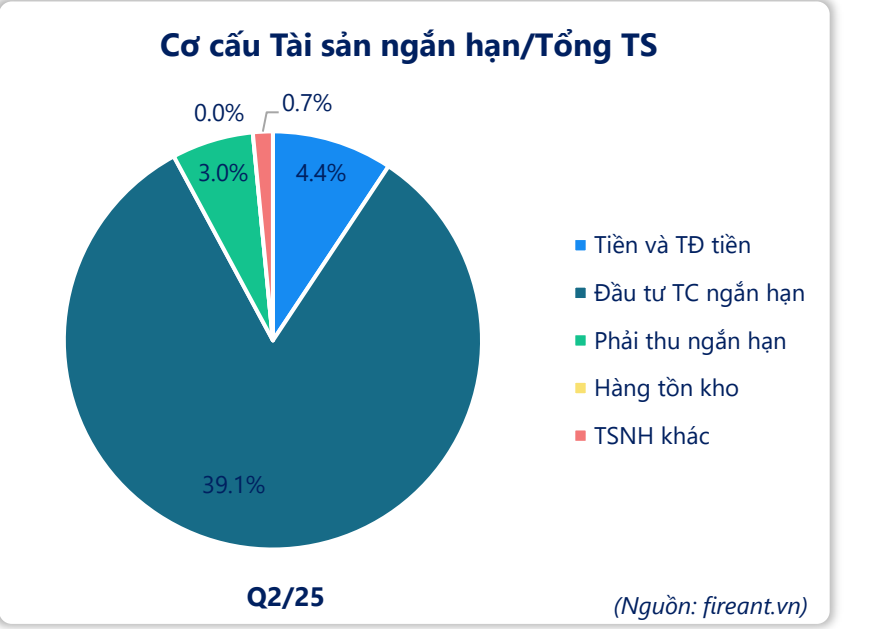
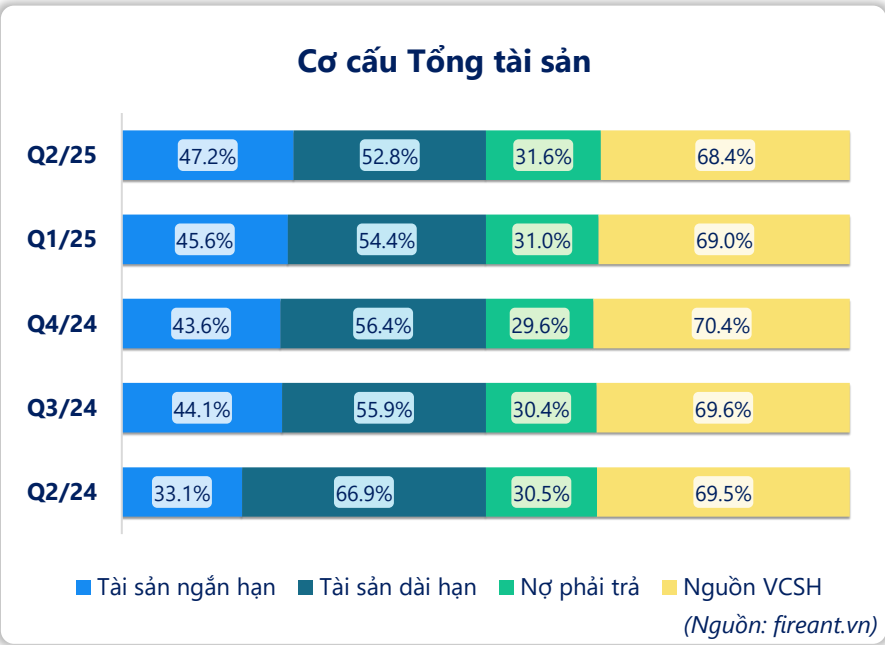
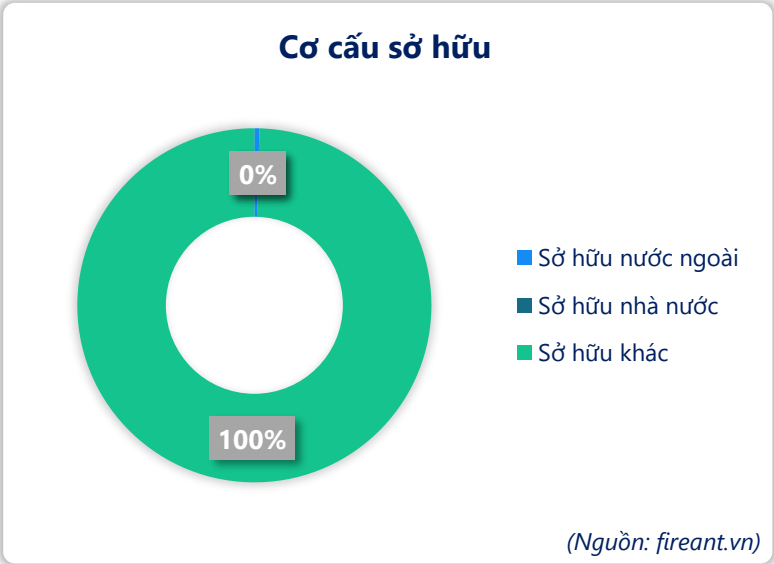
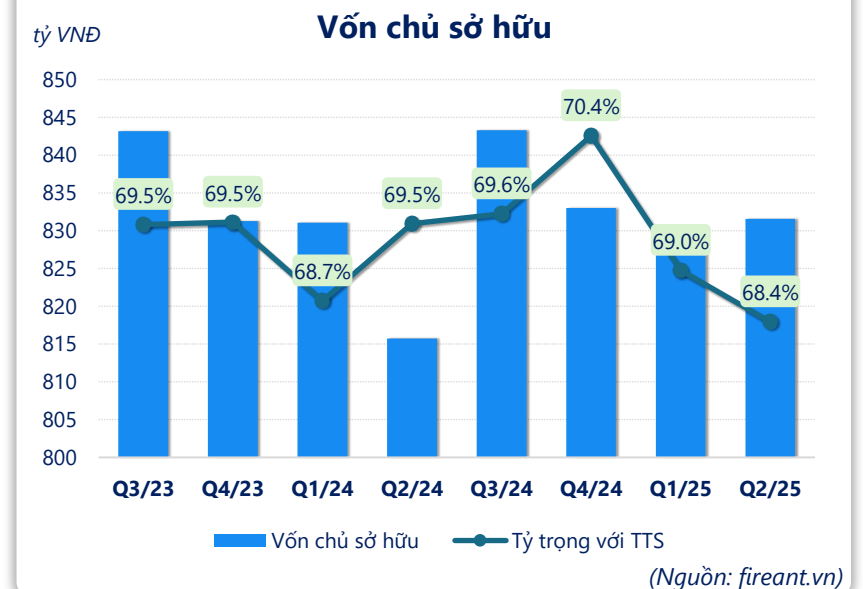
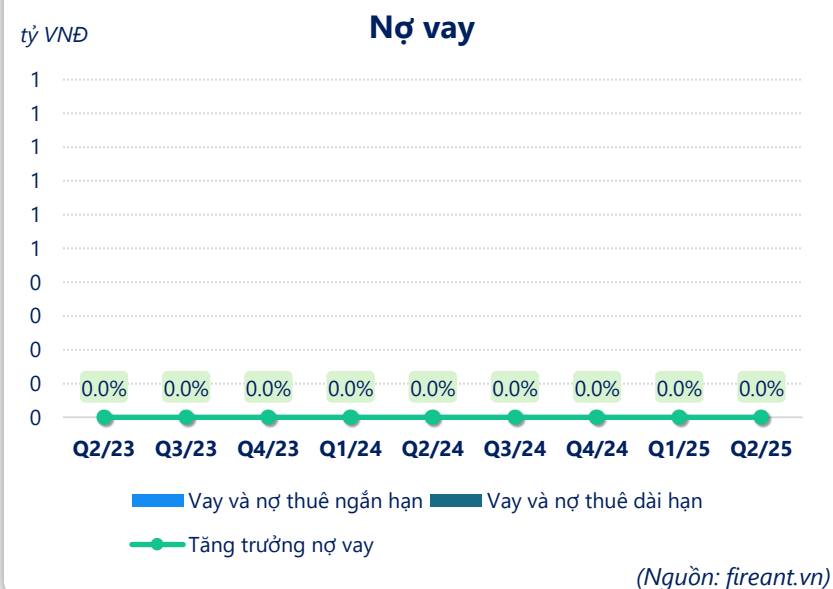
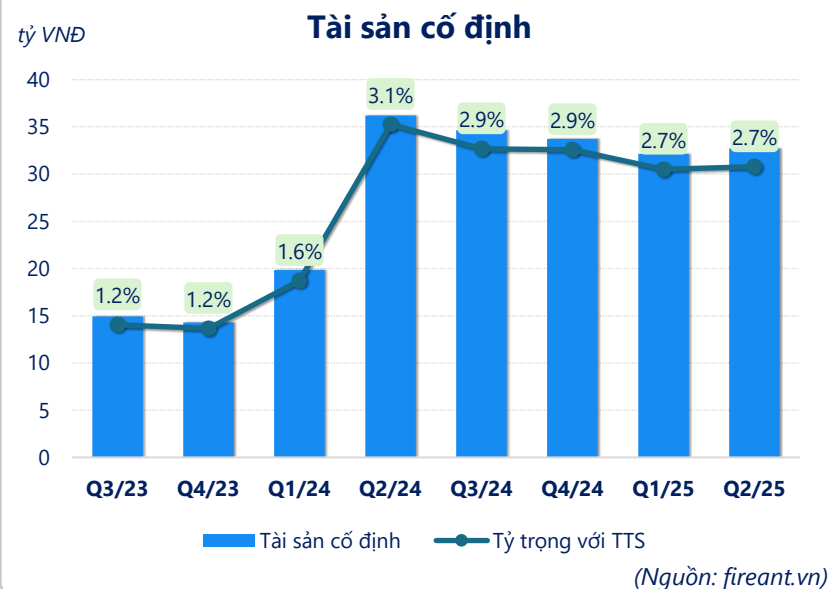
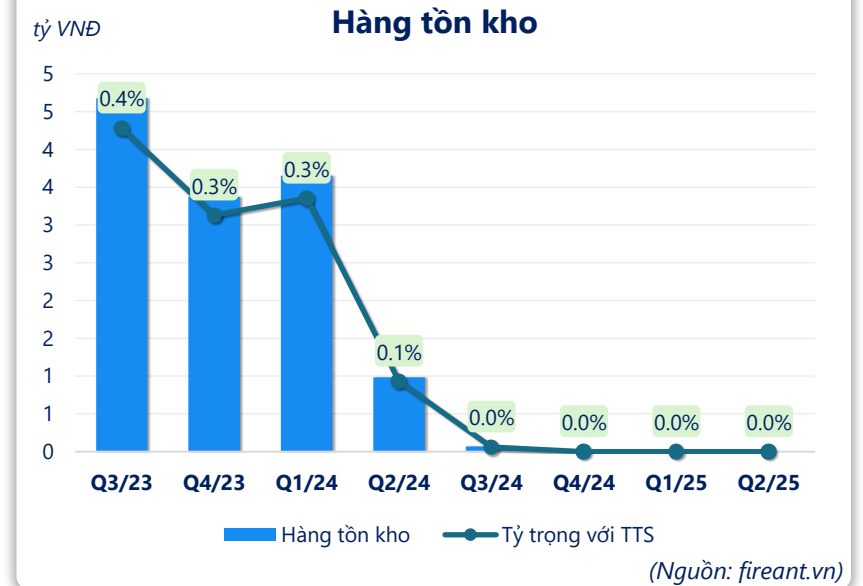
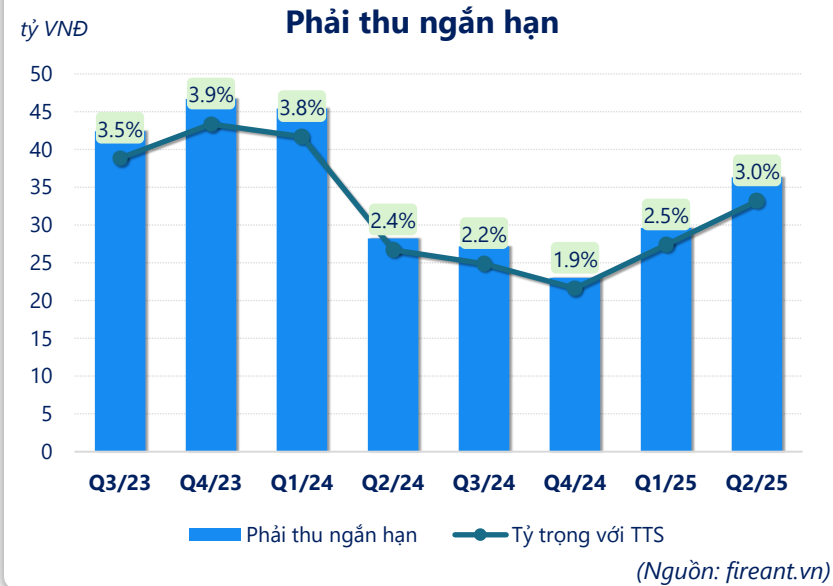
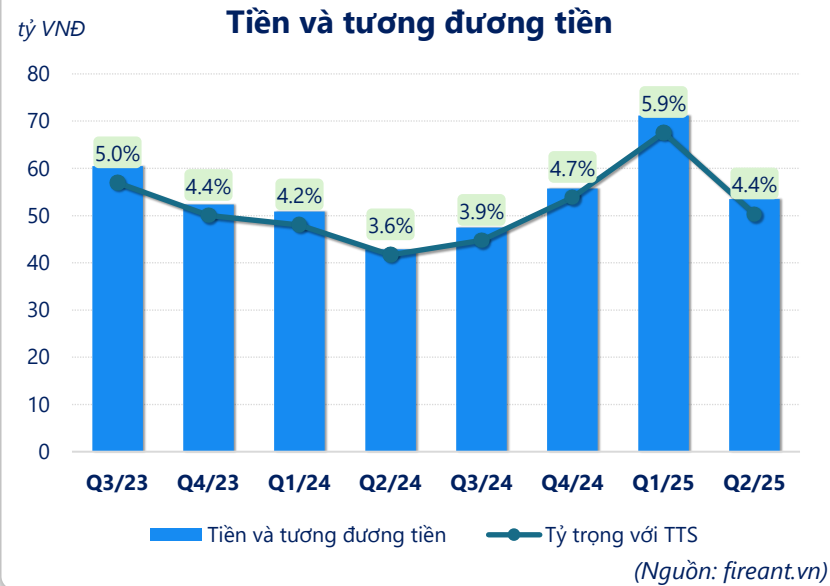
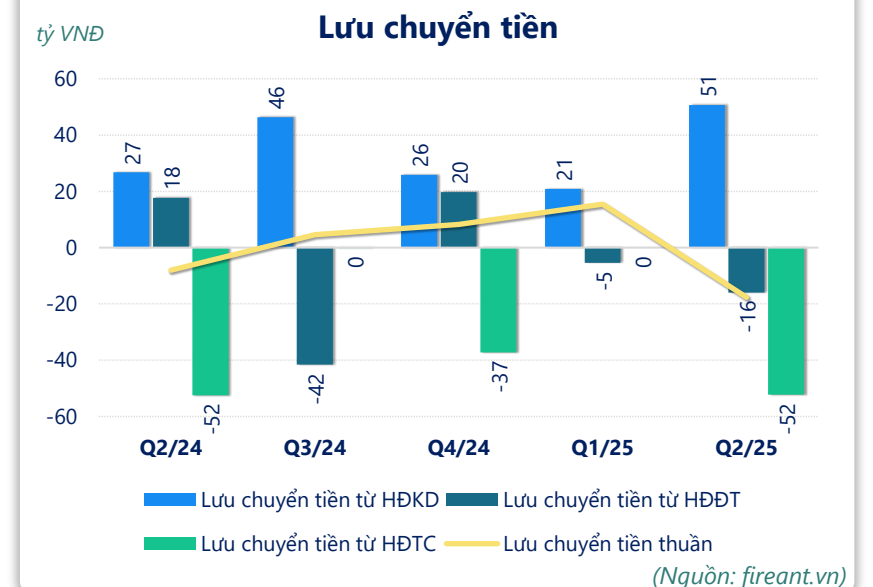
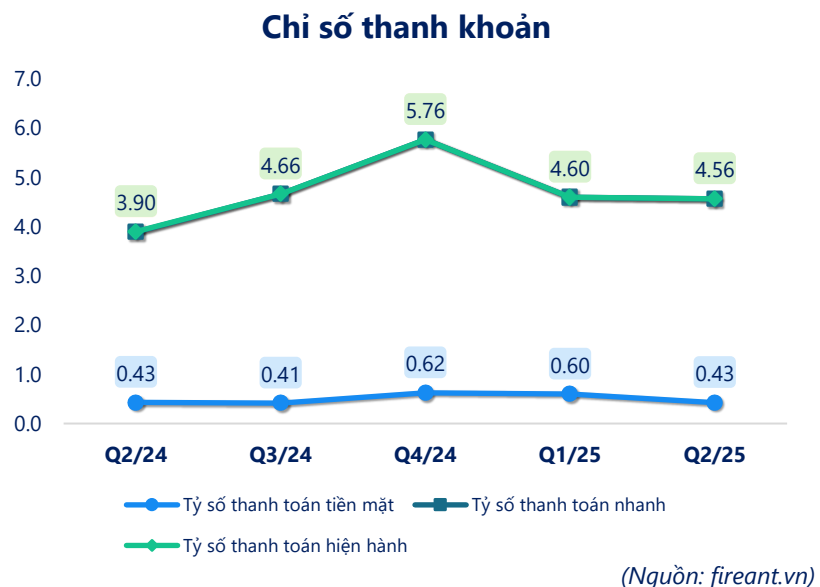
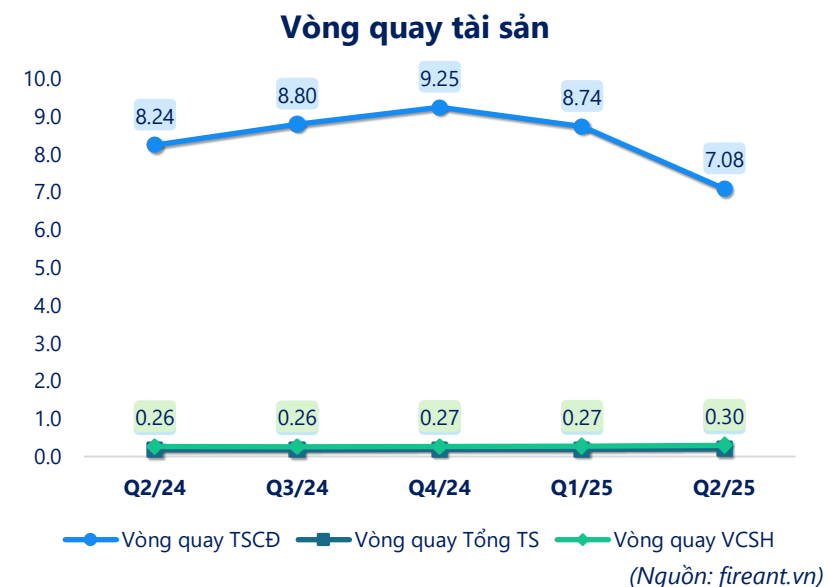
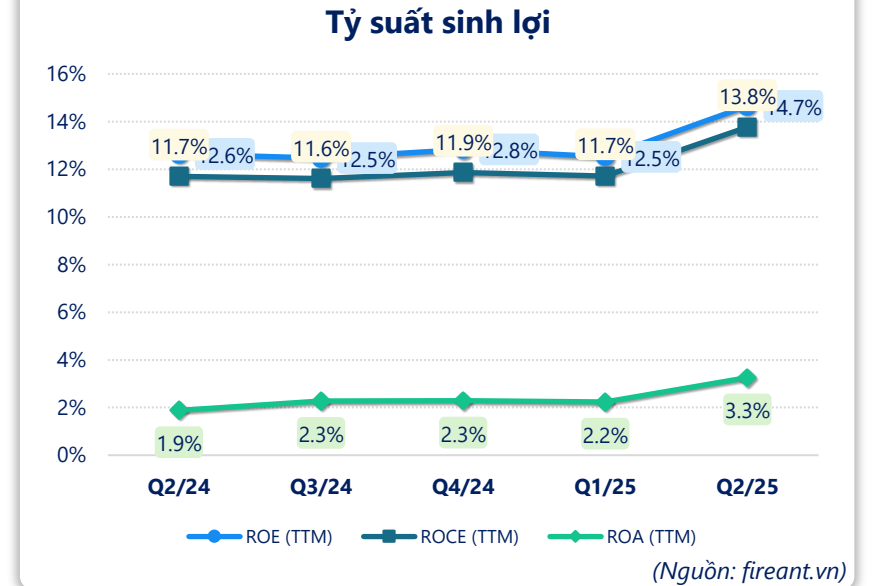
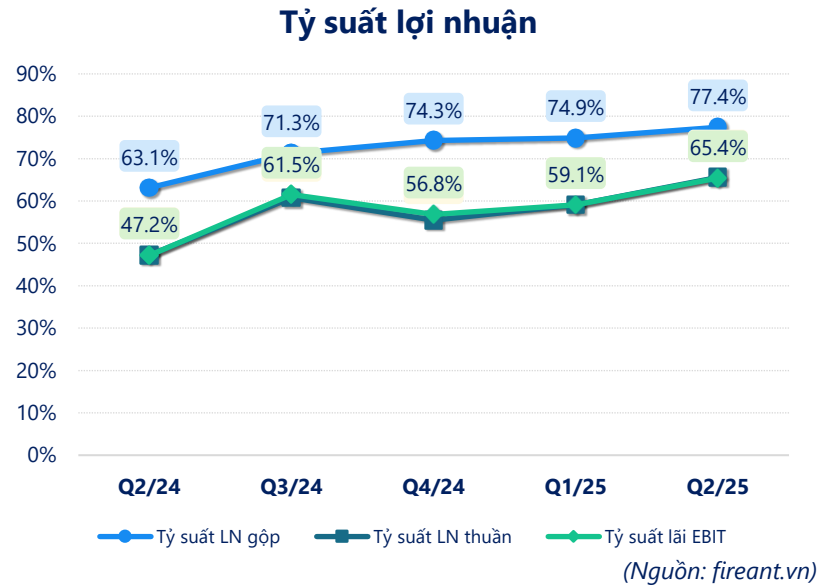
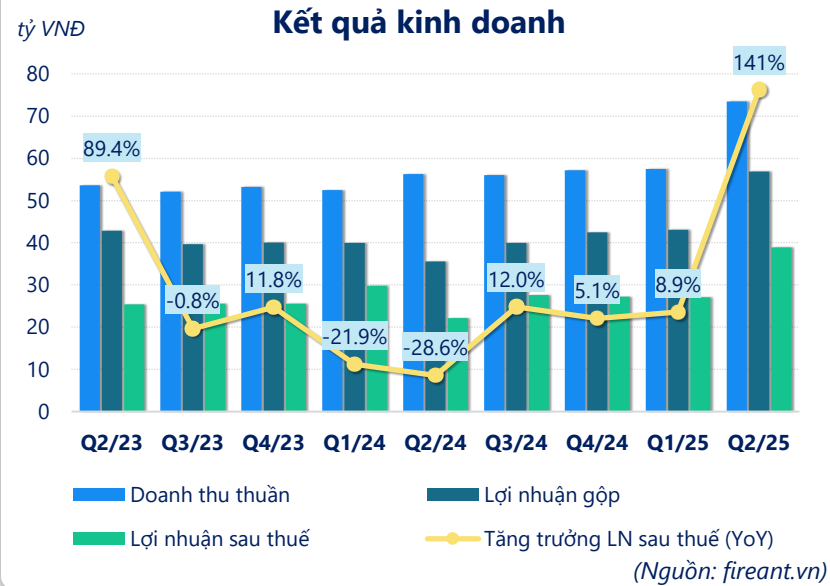


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		38,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		38,769
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		28,942
SL cổ phiếu LH		30,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		380
% sở hữu nước ngoài		0.5%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,140
P/E		9.4
EPS		4,024

	YTD	1T	3T	6T
TIX	6.2%	8.6%	8.3%	11.1%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,215	1,183	2.7%
Tài sản ngắn hạn	574	516	11.3%
Tiền và tương đương tiền	53.5	55.7	-4.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	475	437	8.8%
Phải thu ngắn hạn	36.3	23.0	57.6%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	8.82	0.11	7575%
Tài sản dài hạn	641	668	-3.9%
Phải thu dài hạn	7.28	7.28	0.0%
Tài sản cố định	32.7	33.7	-3.0%
Bất động sản đầu tư	156	176	-11.2%
Tài sản dở dang	127	126	0.4%
Đầu tư tài chính dài hạn	154	156	-1.6%
Tài sản dài hạn khác	165	168	-2.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	384	350	9.5%
Nợ ngắn hạn	126	89.4	40.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	1.76	2.69	-34.8%
Nợ dài hạn	258	261	-1.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	832	833	-0.2%
Vốn chủ sở hữu	832	833	-0.2%
Vốn điều lệ	300	300	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	56.3	56.0	57.2	57.5	73.5
Giá vốn hàng bán	20.7	16.1	14.7	14.4	16.6
Lợi nhuận gộp	35.5	39.9	42.5	43.0	56.9
Doanh thu HĐTC	8.86	10.3	8.17	10.2	7.87
Chi phí TC	0.01	-0.57	-0.03	2.43	0.00
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	11.3	10.1	11.8	10.3	10.2
Chi phí QLDN	6.52	6.73	7.16	6.52	6.41
LN thuần từ HĐKD	26.6	34.0	31.7	33.9	48.2
Lợi nhuận khác	-0.05	0.42	0.76	0.00	-0.13
LN trước thuế	26.5	34.5	32.5	33.9	48.1
Lợi nhuận sau thuế	22.2	27.6	27.2	27.0	38.9
LNST của CĐ cty mẹ	22.2	27.6	27.2	27.0	38.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	26.7	46.3	25.9	20.9	50.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	17.7	-41.6	19.7	-5.41	-16.0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-52.4	-0.14	-37.3	-0.05	-52.3
Tiền đầu kỳ	50.9	42.8	47.4	55.7	71.2
Lưu chuyển tiền thuần	-8.03	4.62	8.29	15.4	-17.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0
Tiền cuối kỳ	42.8	47.4	55.7	71.2	53.5

(Nguồn: fireant.vn)